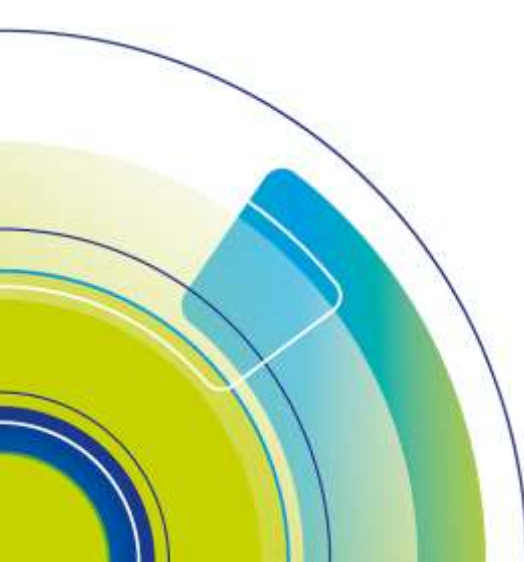




# Cập nhật MWG – KHẢ QUAN

Ngày 13/11/2024



## Lương Thị Kim Chi

(+84 28) 7300 7000 (x1042)

[chiltk@acbs.com.vn](mailto:chiltk@acbs.com.vn)

## Báo cáo Cập Nhật

Khuyến nghị

**KHẢ QUAN**

HOSE: MWG

Bán lẻ

Giá mục tiêu (VND)

70.000

Giá hiện tại (VND)

61,900

Tỷ lệ tăng giá

13,2%

Suất sinh lợi cổ tức kỳ vọng

1,6%

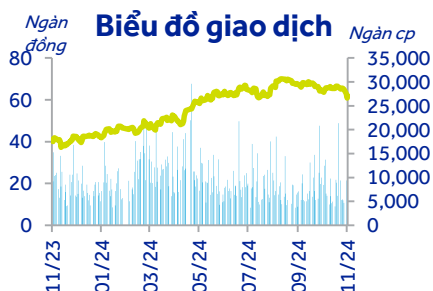
Tổng tỷ suất lợi nhuận

14,8%

## Diễn biến giá cổ phiếu (%)

|           | YTD  | 1T   | 3T    | 12T  |
|-----------|------|------|-------|------|
| Tuyệt đối | 45,8 | -5,7 | -8,7  | 55,6 |
| Tương đối | 33,7 | -2,4 | -10,5 | 40,4 |

Nguồn: Bloomberg



## Cơ cấu sở hữu

|                           |       |
|---------------------------|-------|
| Retail World Inv.         | 10,5% |
| Baillie Gifford & Co      | 3,9%  |
| Arisaig Asia              | 3,5%  |
| Ô.Nguyễn Đức Tài (CTHĐQT) | 2,2%  |

## Thống kê

13-11-2024

| Mã Bloomberg                | MWGVN         |
|-----------------------------|---------------|
| Thấp/Cao 52 tuần (VND)      | 37.150-70.800 |
| SL lưu hành (triệu cp)      | 1.462         |
| Vốn hóa (tỷ đồng)           | 90.493        |
| Vốn hóa (triệu USD)         | 3.548         |
| Room khối ngoại còn lại (%) | 1,8           |
| Tỷ lệ cp lưu hành tự do (%) | 77,5          |
| KLGD TB 3 tháng (cp)        | 8.001.253     |
| VND/USD                     | 25.502        |
| Index: VNIIndex / HNX       | 1246,04/226,2 |

## CTCP ĐẦU TƯ THẾ GIỚI DI ĐỘNG (MWG VN)

KQKD Q3/2024 được hỗ trợ bởi sự hồi phục của chuỗi TGDD & DMX, BHX gia tăng lợi nhuận, công ty tiếp tục đóng các cửa hàng không hiệu quả và liên doanh Era Blue hết lỗ. Tuy nhiên, chúng tôi điều chỉnh giảm 5% dự phóng LNTT cho 2024-2025 để phản ánh thêm chi phí cho việc đóng cửa hàng và biên lợi nhuận gộp thấp nhẹ so với kỳ vọng. Giá mục tiêu đến cuối năm 2025 được điều chỉnh giảm 3% về mức 70.000đ/cp, tương đương tổng tỷ suất sinh lợi 14,8%. Khuyến nghị **KHẢ QUAN**.

MWG tiếp tục thúc đẩy việc khôi phục kết quả kinh doanh với doanh thu thuần và LNTT Q3/2024 tăng tương ứng 12,7% svck và 6 lần svck. Lũy kế 9T2024, doanh thu thuần đạt 99.767 tỷ đồng (+14,9% svck) và LNTT 3.790 tỷ đồng (+8 lần svck). Doanh thu sơ bộ 10T2024 tăng 13,6% svck.

**Chuỗi TGDD & DMX**, đóng góp 67% doanh thu MWG trong 9T2024, có doanh thu tăng 8,6% svck dù số lượng cửa hàng giảm (-6,6% so với cuối 2023 và -11,5% svck) do đóng những cửa hàng kém hiệu quả. Doanh thu tháng 10 hầu như đi ngang svck.

**Chuỗi BHX** bắt đầu chuyển sang trạng thái có lãi từ Q2/2024 (7 tỷ đồng) và tăng số lãi lên 90 tỷ đồng trong Q3. Doanh thu của chuỗi tăng 26,9% svck trong Q3 và 36,2% svck trong 9T2024, đóng góp 30% doanh thu MWG, nhờ doanh thu trên mỗi cửa hàng liên tục cải thiện qua các tháng kể từ đầu 2023. Tăng trưởng doanh thu trong tháng 10/2024 đạt 18% svck, thấp hơn mức tăng của các tháng trước do hiệu ứng nền thấp của doanh thu/cửa hàng giảm dần.

**Chuỗi An Khang** dự kiến vẫn đóng góp chỉ khoảng 2% doanh thu cho MWG trong 2024-2025 (theo dự phóng của chúng tôi) và vẫn ưu tiên thúc đẩy doanh thu trên mỗi cửa hàng, tối ưu hóa vận hành. Chuỗi đã đóng 201 cửa hàng trong 9T2024 nhằm tăng cường hiệu quả.

Mức tăng trưởng mạnh LNTT của công ty trong 9T2024 được hỗ trợ bởi biên lợi nhuận gộp, tỷ lệ chi phí BH&QLDN trên doanh thu thuần cải thiện và lợi nhuận tài chính tăng (+74% svck), dù ghi nhận khoản chi phí đáng kể cho việc đóng cửa hàng. Biên lợi nhuận gộp tăng lên 21,0% trong 9T2024 (9T2023: 18,8%) trong khi tỷ lệ chi phí BH&QLDN trên doanh thu thuần giảm về 17,4% (9T2023: 18,7%) nhờ doanh thu hồi phục.

Chúng tôi kỳ vọng công ty có thể đạt doanh thu thuần 135.316 tỷ đồng (+14,4% svck) và LNTT 5.011 tỷ đồng (+7 lần svck) trong 2024, giảm 5% so với cập nhật trước. Tăng trưởng tương ứng cho 2025 được dự phóng là 7,3% svck và 20% svck. **Giá mục tiêu cho MWG cuối 2025 là 70.000 đ/cp (~ tổng tỷ suất lợi nhuận 14,8%).**

|                            | 2022    | 2023    | 2024F   | 2025F   | 2026F   |
|----------------------------|---------|---------|---------|---------|---------|
| DT Thuần (tỷ đồng)         | 133.405 | 118.280 | 135.316 | 145.144 | 156.318 |
| Tăng trưởng                | 8,5%    | -11,3%  | 14,4%   | 7,3%    | 7,7%    |
| EBITDA (tỷ đồng)           | 10.623  | 4.018   | 8.173   | 8.225   | 8.072   |
| Biên EBITDA                | 8,0%    | 3,4%    | 6,0%    | 5,7%    | 5,2%    |
| LN ròng sau CĐTS (tỷ đồng) | 4.100   | 168     | 3.862   | 4.761   | 5.795   |
| Tăng trưởng                | -16,3%  | -95,9%  | 2204,9% | 23,3%   | 21,7%   |
| EPS (hiệu chỉnh, VND)      | 2.809   | 115     | 2.563   | 3.068   | 3.626   |
| Tăng trưởng                | -18,5%  | -95,9%  | 2137,0% | 19,7%   | 18,2%   |
| ROE                        | 18,5%   | 0,7%    | 14,8%   | 15,4%   | 16,4%   |
| Nợ ròng/EBITDA (x)         | 0,1     | (0,3)   | (1,2)   | (2,0)   | (2,6)   |
| EV/EBITDA (x)              | 8,4     | 22,2    | 10,9    | 10,9    | 11,1    |
| EV/Doanh thu (x)           | 0,7     | 0,8     | 0,7     | 0,6     | 0,6     |
| P/E (lần)                  | 22,0    | 540,3   | 24,2    | 20,2    | 17,1    |
| Suất sinh lợi cổ tức       | 0,8%    | 0,8%    | 0,8%    | 1,6%    | 1,6%    |

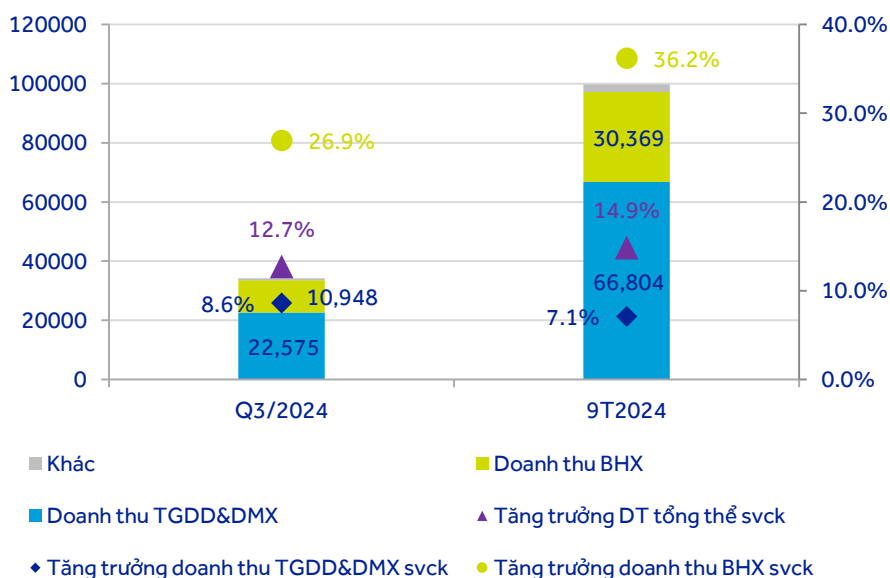
### Kết quả kinh doanh 9T2024 được thúc đẩy bởi tất cả các chuỗi chính

MWG công bố doanh thu thuần 99.767 tỷ đồng (+14,9% svck) và LNTT 3.790 tỷ đồng (+8 lần svck) trong 9T2024. Trong khi tăng trưởng doanh thu được hỗ trợ bởi doanh thu của chuỗi TGDD & DMX hồi phục và BHX tiếp tục tăng trưởng, sự hồi phục của LNTT đến từ:

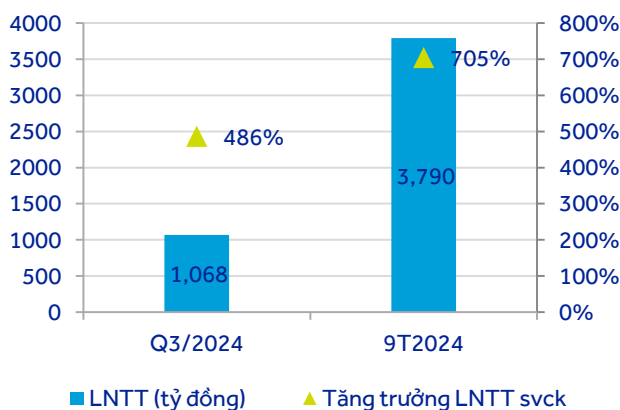
- i) biên lợi nhuận gộp tăng lên 21,0% trong 9T2024 (9T2023: 18,8%), đặc biệt là TGDD & DMX khi giảm cạnh tranh về giá và sức mua người tiêu dùng có phần cải thiện.
- ii) tỷ lệ chi phí BH&QLDN trên doanh thu thuần giảm về 17,4% (9T2023: 18,7%) nhờ tăng trưởng doanh thu nhanh hơn mức tăng chi phí BH&QLDN.
- iii) lợi nhuận tài chính tăng (+74% svck), chủ yếu đến từ thu nhập lãi và lãi trái phiếu.

LNTT có thể đã tăng trưởng mạnh hơn nữa nếu không có khoản chi phí rỗng một lần (252 tỷ đồng trong Q3 và 440 tỷ đồng trong 9T2024 so với chỉ 84 tỷ đồng trong 9T2023) chủ yếu do đóng lượng lớn cửa hàng.

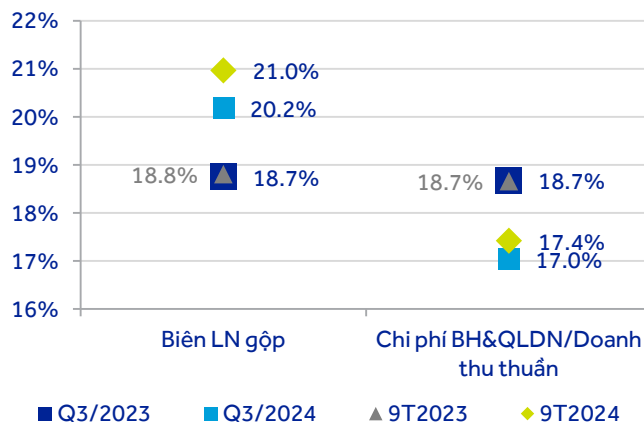
### Doanh thu MWG trong 9T2024



### LNTT trong 9T2024



### Biên LN gộp và tỷ lệ CP BH&QLDN



Nguồn: MWG; ACBS

### TGDD & DMX: duy trì đà hồi phục trong Q3

Kết quả kinh doanh của chuỗi TGDD & DMX có chuyển biến tích cực dù vẫn chịu tác động bởi sức mua người tiêu dùng phục hồi chậm. Doanh thu chung của hai chuỗi tăng 8,6% svck trong Q3 và 7,1% svck trong 9T2024 với tăng trưởng được ghi nhận ở hầu hết các tháng dù một lượng lớn cửa hàng bị đóng cửa. Tăng trưởng doanh thu trên cùng cửa hàng trở lại mức dương 10% trong Q1/2024, 20% trong Q2/2024 và 25% trong Q3/2024 sau khi giảm liên tiếp trong 2023. Các nhóm sản phẩm tăng trưởng là điện lạnh, điện thoại/máy tính bảng, laptop và gia dụng.

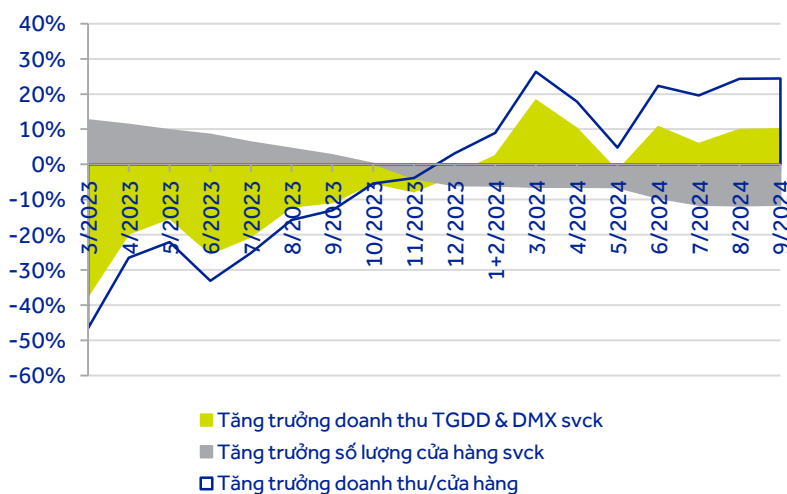
Chúng tôi ước tính xu hướng biên lợi nhuận gộp cải thiện svck trong 6T2024 (19,7% so với 16,3% trong 6T2023 nhờ cạnh tranh giá giảm, các khoản hỗ trợ từ đối tác và sự gia tăng tỷ trọng của một số sản phẩm điện máy có biên lợi nhuận cao) vẫn tiếp diễn trong Q3, tuy nhiên biên lợi nhuận gộp Q3 có thể thấp hơn Q2 (công ty không công bố số liệu chi tiết) do cơ cấu danh mục hàng bán thay đổi theo tính chất mùa vụ (vd: Q2 thường là mùa cao điểm của máy lạnh, Q3 là mùa cao điểm của điện thoại, laptop). Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng tỷ lệ này khó có sự cải thiện mạnh mẽ hơn trong các năm tiếp theo trong bối cảnh cạnh tranh cao.

Việc đóng các cửa hàng hoạt động kém hiệu quả được thực hiện từ cuối 2023. Tính đến cuối tháng 9/2024, TGDD & DMX và Topzone có 3.053 cửa hàng đang hoạt động, giảm 215 cửa hàng so với đầu năm (tức -6,6% so với đầu năm và -11,5% svck). Công ty cho biết đã tạm hoàn tất mục tiêu đóng cửa hàng.

| KQKD TGDD+DMX                    | Q3/2024 | +/- svck | 9T2024 | 9T2023 | +/- svck |
|----------------------------------|---------|----------|--------|--------|----------|
| Doanh thu (tỷ đồng)              | 22.575  | 8,6%     | 66.804 | 62.364 | 7,1%     |
| Biên LN gộp                      | 25%     |          |        |        |          |
| Số lượng cửa hàng                | 3.053   |          |        |        |          |
| +/- số cửa hàng so với cuối 2023 | -215    |          |        |        |          |

Nguồn: MWG; ACBS

### Tăng trưởng doanh thu TGDD & DMX quay trở lại



Nguồn: MWG; ACBS

Về chuỗi EraBlue tại Indonesia, báo cáo tài chính của MWG ghi nhận khoản lãi đầu tiên 100 triệu đồng từ đơn vị này trong Q3 dù vẫn lỗ 47 tỷ đồng trong 9T2024. Mạng lưới cửa hàng tiếp tục được mở rộng, đạt 76 cửa hàng vào cuối T9/2024. EraBlue sẽ tiếp tục cải

thiện mô hình kinh doanh, thúc đẩy doanh thu và dự kiến tăng số lượng cửa hàng lên 150 trong năm sau.

### BHX tăng dẫn lợi nhuận

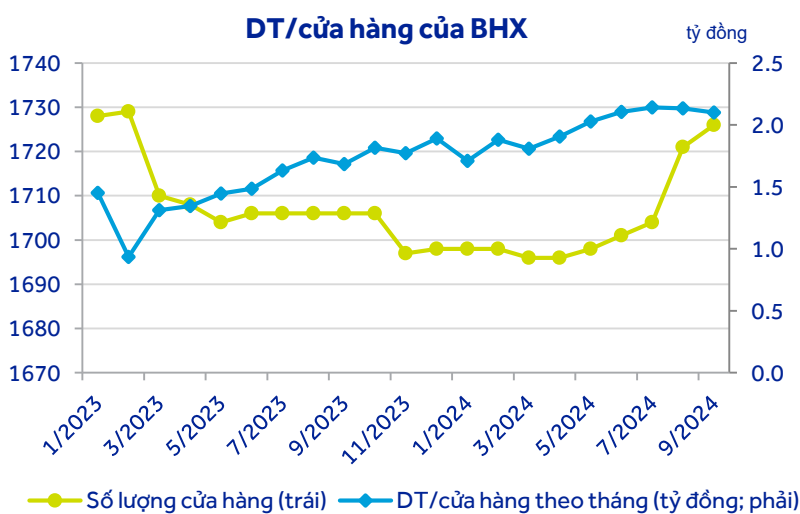
BHX tăng trưởng doanh thu 36,2% svck trong 9T2024, nhờ tăng trưởng doanh thu mạnh mẽ của ngành hàng thực phẩm tươi sống và FMCG (+25-60% svck) và số lượng hóa đơn (+30% svck). Doanh thu trên từng cửa hàng tăng qua các tháng kể từ đầu 2023 và đạt 2,1 tỷ đồng trong tháng 9/2024 theo ước tính của chúng tôi, mặc dù tốc độ chậm lại trong vài tháng gần đây (việc bắt đầu mở thêm cửa hàng có thể có tác động nhưng chưa đáng kể do số lượng mở mới còn thấp). Công ty dự kiến doanh thu trên mỗi cửa hàng có thể tiếp tục tăng trưởng, tuy nhiên tốc độ sẽ chậm hơn thời gian qua do hầu hết các cửa hàng đều gần đạt công suất tối đa.

Theo đó, động lực tăng trưởng trong thời gian tới có thể sẽ nghiêng nhiều hơn về hoạt động mở mới cửa hàng. BHX đã bắt đầu mở mới lại từ T5/2024 sau gần hai năm hầu như không mở mới để tập trung vào tái cấu trúc cửa hàng, thúc đẩy doanh thu và nâng cao hiệu quả hoạt động. BHX hiện có 1.726 cửa hàng tính đến T9/2024, tăng 28 cửa hàng so với cuối năm 2023, và đang thử nghiệm ở một vài tỉnh mới.

Chuỗi ghi nhận khoản LNST đầu tiên từ Q2/2024 (7 tỷ đồng) và đạt 90 tỷ đồng trong Q3, đưa mức lỗ lũy kế trong 9T2024 về 8 tỷ đồng. Sự cải thiện này đến từ nhiều yếu tố như tăng trưởng doanh thu, kiểm soát tỷ lệ hủy hàng và tối ưu chi phí hoạt động cửa hàng.

| KQKD Bách Hoá Xanh           | Q3/2024 | +/- svck | +/- q/q | 9T2024 | 9T2023 | +/- svck |
|------------------------------|---------|----------|---------|--------|--------|----------|
| Doanh thu (tỷ đồng)          | 10.948  | 26,9%    | 6,7%    | 30.369 | 22.295 | 36,2%    |
| Tăng trưởng DT cùng cửa hàng | 30%     |          |         |        |        |          |
| LNST (tỷ đồng)               | 90      |          |         | -8     | -905   |          |
| Số lượng cửa hàng            |         |          |         | 1.726  |        |          |
| +/- số cửa hàng sv cuối 2023 |         |          |         | 28     |        |          |

Nguồn: MWG; ACBS



Nguồn: MWG; ACBS

**An Khang** tiếp tục tập trung đẩy mạnh doanh thu/cửa hàng, tối ưu hóa hoạt động và tái cơ cấu mạng lưới để đạt hiệu quả tốt hơn. Tính đến cuối T9/2024, chuỗi đã đóng 201 cửa hàng, chủ yếu diễn ra trong T6-T8/2024, đưa số cửa hàng đang hoạt động về 326

cửa hàng. Ban lãnh đạo công ty cho biết sau giai đoạn sắp xếp lại mạng lưới, doanh thu An Khang tăng trưởng trong T9-T10/2024 và giảm lỗ.

#### Dự phóng 2024-2025

Đối với **TGDD & DMX**, chúng tôi dự phóng hai chuỗi duy trì tăng trưởng nhờ chi tiêu của người tiêu dùng cải thiện trong mùa mua sắm cuối năm và công ty triển khai thêm các chương trình hỗ trợ tài chính. Nhu cầu điện thoại tích hợp tính năng NFC và chuyển đổi sang điện thoại 5G có thể là động lực tăng trưởng cho phân khúc điện thoại. Chúng tôi dự phóng hai chuỗi có thể tạo ra tổng doanh thu 90.471 tỷ đồng (+8,3% svck) trong 2024, tăng 3% so với dự phóng trước, và 96.281 tỷ đồng (+6,4% svck) trong 2025.

**BHX** đặt mục tiêu duy trì trạng thái có lợi nhuận và gia tăng lợi nhuận thông qua việc tối ưu hóa chi phí và chú trọng thúc đẩy doanh thu hơn là biên lợi nhuận. Chuỗi dự kiến mở mới 100-200 cửa hàng trong 2025, chủ yếu vẫn ở các khu vực hiện tại và một số tỉnh miền Trung, đi kèm các yêu cầu về hiệu quả. Chúng tôi duy trì dự phóng BHX có thể đạt doanh thu 41.485 tỷ đồng (+31,2% svck) trong 2024 và 45.102 tỷ đồng (+8,7% svck) trong 2025. LNST được dự phóng tăng hơn 4 lần svck trong năm 2025, từ mức lũy kế 109 tỷ đồng cho 2024.

Đối với **An Khang**, chúng tôi vẫn dự phóng đóng góp doanh thu của An Khang vào MWG còn khiêm tốn, khoảng 2% trong 2024-2025 và có thể chưa mang lại lợi nhuận trong tương lai gần.

#### Định giá

Chúng tôi kỳ vọng công ty có thể đạt doanh thu thuần 135.316 tỷ đồng (+14,4% svck) và LNTT 5.011 tỷ đồng (+7 lần svck) trong 2024, giảm 5% so với cập nhật trước. Tăng trưởng tương ứng cho 2025 được dự phóng là 7,3% svck và 20% svck. Kết hợp phương pháp DCF và EV/Doanh thu, **giá mục tiêu của chúng tôi cho MWG đến cuối 2025 là 70.000 đ/cp.**



| MÔ HÌNH ĐỊNH GIÁ MWG<br>(đơn vị: tỷ đồng nếu không có ghi chú khác) | Giá hiện tại<br>(đồng): | 61.900         | Giá mục tiêu<br>(đồng): | 70.000         | Vốn hóa<br>(tỷ đồng): | 90.493 |
|---|-------------------------|----------------|-------------------------|----------------|-----------------------|--------|
|   | 2022                    | 2023           | 2024F                   | 2025F          | 2026F                 |        |
| <b>Doanh thu thuần</b>  | <b>133.405</b>          | <b>118.280</b> | <b>135.316</b>          | <b>145.144</b> | <b>156.318</b>        |        |
| <i>Tăng trưởng</i>  | <i>8,5%</i>             | <i>-11,3%</i>  | <i>14,4%</i>            | <i>7,3%</i>    | <i>7,7%</i>           |        |
| GVHB  | 102.638                 | 95.845         | 106.799                 | 114.064        | 122.749               |        |
| Chi phí bán hàng trừ khấu hao                                       | 18.841                  | 17.639         | 17.433                  | 19.386         | 21.744                |        |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp trừ khấu hao                           | 1.741                   | 1.008          | 3.477                   | 3.741          | 4.041                 |        |
| Doanh thu tài chính   | 459                     | 339            | 777                     | 390            | 413                   |        |
| Chi phí tài chính   | 21                      | 109            | 210                     | 117            | 125                   |        |
| <b>EBITDA</b>   | <b>10.623</b>           | <b>4.018</b>   | <b>8.173</b>            | <b>8.225</b>   | <b>8.072</b>          |        |
| <i>Tỷ suất EBITDA</i>   | <i>8,0%</i>             | <i>3,4%</i>    | <i>6,0%</i>             | <i>5,7%</i>    | <i>5,2%</i>           |        |
| Khấu hao  | 3.540                   | 3.351          | 2.866                   | 2.884          | 1.838                 |        |
| <b>Lợi nhuận từ HĐKD</b>  | <b>7.083</b>            | <b>667</b>     | <b>5.307</b>            | <b>5.341</b>   | <b>6.233</b>          |        |
| <i>Biên LN HĐKD</i>   | <i>5,3%</i>             | <i>0,6%</i>    | <i>3,9%</i>             | <i>3,7%</i>    | <i>4,0%</i>           |        |
| Lợi nhuận/Lỗ khác   | (518)                   | (357)          | (463)                   | 7              | 7                     |        |
| Lợi nhuận/Lỗ từ công ty LDLK  | -                       | -              | (45)                    | 20             | 24                    |        |
| Chi phí lãi vay ròng  | 508                     | (380)          | (213)                   | (645)          | (915)                 |        |
| <i>Lãi suất trung bình</i>  | <i>15,1%</i>            | <i>-454,2%</i> | <i>3,8%</i>             | <i>4,9%</i>    | <i>4,9%</i>           |        |
| <i>Hệ số thanh toán lãi vay (x)</i>                                 | <i>13,9</i>             | <i>-1,8</i>    | <i>-24,9</i>            | <i>-8,3</i>    | <i>-6,8</i>           |        |
| Thuế  | 1.955                   | 522            | 1.144                   | 1.228          | 1.340                 |        |
| <i>Thuế suất thực tế</i>  | <i>29,7%</i>            | <i>49,8%</i>   | <i>20,7%</i>            | <i>20,5%</i>   | <i>18,8%</i>          |        |
| Lợi ích CĐTS  | 2                       | 0              | 5                       | 24             | 44                    |        |
| <b>Lợi nhuận ròng</b>   | <b>4.100</b>            | <b>168</b>     | <b>3.862</b>            | <b>4.761</b>   | <b>5.795</b>          |        |
| Tiền mặt từ hoạt động kinh doanh                                    | 7.640                   | 3.519          | 6.513                   | 7.566          | 7.685                 |        |
| Tổng số lượng cổ phiếu  | 1.463.879.280           | 1.463.376.716  | 1.507.278.017           | 1.552.496.358  | 1.599.071.249         |        |
| <b>EPS (VND)</b>  | <b>2.809</b>            | <b>115</b>     | <b>2.563</b>            | <b>3.068</b>   | <b>3.626</b>          |        |
| T/đ chia thưởng/cổ tức bằng cp (lần)                                | 1,00                    | 1,00           | 1,00                    | 1,00           | 1,00                  |        |
| <b>EPS hiệu chỉnh (VND)</b>   | <b>2.809</b>            | <b>115</b>     | <b>2.563</b>            | <b>3.068</b>   | <b>3.626</b>          |        |
| <i>Tăng trưởng EPS hiệu chỉnh</i>                                   | <i>-18,5%</i>           | <i>-95,9%</i>  | <i>2137,0%</i>          | <i>19,7%</i>   | <i>18,2%</i>          |        |

| <b>CÁC KHOẢN MỤC CĐKT VÀ DÒNG TIỀN</b> | <b>2022</b>   | <b>2023</b>   | <b>2024F</b>  | <b>2025F</b>   | <b>2026F</b>   |
|--|---------------|---------------|---------------|----------------|----------------|
| Thay đổi vốn lưu động                  | -54           | -107          | -366          | 890            | 1.052          |
| Capex                                  | 4.460         | 492           | 360           | 550            | 900            |
| Đầu tư vào cty liên kết, liên doanh    | 181           | 106           | -45           | 20             | 24             |
| Các khoản mục dòng tiền khác           | 1.356         | 429           | 429           | 429            | 429            |
| <b>Dòng tiền tự do</b>                 | <b>4.409</b>  | <b>3.458</b>  | <b>7.208</b>  | <b>6.614</b>   | <b>6.086</b>   |
| Phát hành cp                           | 188           | -9            | 2.218         | 452            | 465            |
| Cổ tức                                 | 732           | 731           | 753           | 776            | 1.599          |
| Thay đổi nợ ròng                       | -3.865        | -2.717        | -8.672        | -6.290         | -4.953         |
| <b>Nợ ròng cuối năm</b>                | <b>1.442</b>  | <b>-1.275</b> | <b>-9.947</b> | <b>-16.237</b> | <b>-21.190</b> |
| <b>Vốn CSH</b>                         | <b>23.918</b> | <b>23.346</b> | <b>28.672</b> | <b>33.108</b>  | <b>37.770</b>  |
| Giá trị sổ sách/cp (VND)               | 16.398        | 15.964        | 19.041        | 21.346         | 23.643         |
| Nợ ròng / VCSH                         | 6,0%          | -5,5%         | -34,7%        | -49,0%         | -56,1%         |
| Nợ ròng / EBITDA (x)                   | 0,1           | -0,3          | -1,2          | -2,0           | -2,6           |
| <b>Tổng tài sản</b>                    | <b>55.834</b> | <b>60.111</b> | <b>56.765</b> | <b>54.911</b>  | <b>54.620</b>  |

| <b>CHỈ SỐ KHẢ NĂNG SINH LỢI VÀ ĐỊNH GIÁ</b> | <b>2022</b> | <b>2023</b> | <b>2024F</b> | <b>2025F</b> | <b>2026F</b> |
|---|-------------|-------------|--------------|--------------|--------------|
| ROE   | 18,5%       | 0,7%        | 14,8%        | 15,4%        | 16,4%        |
| ROA   | 6,9%        | 0,3%        | 6,6%         | 8,5%         | 10,6%        |
| ROIC  | 17,7%       | -0,6%       | 18,1%        | 23,8%        | 30,3%        |
| WACC  | 12,4%       | 12,4%       | 12,4%        | 12,4%        | 12,4%        |
| EVA   | 5,3%        | -13,0%      | 5,7%         | 11,5%        | 17,9%        |
| P/E (x)                                     | 22,0        | 540,3       | 24,2         | 20,2         | 17,1         |
| EV/EBITDA (x)                               | 8,4         | 22,2        | 10,9         | 10,9         | 11,1         |
| EV/FCF (x)                                  | 20,2        | 25,8        | 12,4         | 13,5         | 14,7         |
| P/B (x)                                     | 3,8         | 3,9         | 3,3          | 2,9          | 2,6          |
| P/S (x)                                     | 0,7         | 0,8         | 0,7          | 0,6          | 0,6          |
| EV/Doanh thu (x)                            | 0,7         | 0,8         | 0,7          | 0,6          | 0,6          |
| PEG   | 0,0         | 0,8         | 0,0          | 1,2          | 1,1          |
| Suất sinh lợi cổ tức                        | 0,8%        | 0,8%        | 0,8%         | 1,6%         | 1,6%         |



### LIÊN HỆ

#### Trụ sở chính

Leman, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Q.3, TPHCM  
Tel: (+84 28) 7300 7000

#### Chi nhánh Hà Nội

10, Phan Chu Trinh Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: (+84 24) 3942 9395  
Fax: (+84 24) 3942 9407

### PHÒNG PHÂN TÍCH

#### Giám Đốc Phòng Phân Tích

##### Đỗ Minh Trang

(+84 28) 7300 7000 (x1041)

[trangdm@acbs.com.vn](mailto:trangdm@acbs.com.vn)

#### Giám đốc phân tích ngành

##### Bất động sản

##### Phạm Thái Thanh Trúc

(+84 28) 7300 7000 (x1043)

[trucptt@acbs.com.vn](mailto:trucptt@acbs.com.vn)

#### Giám đốc phân tích ngành

##### Tài chính

##### Cao Việt Hùng

(+84 28) 7300 7000 (x1049)

[hungcv@acbs.com.vn](mailto:hungcv@acbs.com.vn)

#### Giám đốc phân tích ngành Bán

##### lẻ, Công nghệ

##### Lương Thị Kim Chi

(+84 28) 7300 7000 (x1042)

[chiltk@acbs.com.vn](mailto:chiltk@acbs.com.vn)

#### CVPT- Dầu khí

##### Phan Việt Hưng

(+84 28) 7300 7000  
(x1044)

[hungpv@acbs.com.vn](mailto:hungpv@acbs.com.vn)

#### CVPT – Vật liệu Xây dựng,

##### Hóa chất

##### Trần Nhật Trung

(+84 28) 7300 7000 (x1045)

[trungtn@acbs.com.vn](mailto:trungtn@acbs.com.vn)

#### CVPT – Ngành Điện, nước

##### Phạm Đức Toàn

(+84 28) 7300 7000 (x1051)

[toanpd@acbs.com.vn](mailto:toanpd@acbs.com.vn)

#### CVPT – Vĩ mô & TT Tiến tệ

##### Trịnh Viết Hoàng Minh

(+84 28) 7300 7000 (x1046)

[minhtvh@acbs.com.vn](mailto:minhtvh@acbs.com.vn)

#### CVPT - Logistic

##### Nguyễn Thế Hùng

(+84 28) 7300 7000  
(x1047)

[hungnt@acbs.com.vn](mailto:hungnt@acbs.com.vn)

#### NVPT – PTKT

##### Võ Phú Hữu

(+84 28) 7300 7000 (x1052)

[huvvp@acbs.com.vn](mailto:huvvp@acbs.com.vn)

#### NVPT – Dữ liệu thị trường

##### Mai Duy Anh

(+84 28) 7300 7000 (x1110)

[anhmd@acbs.com.vn](mailto:anhmd@acbs.com.vn)

### KHOẢNG KHÁCH HÀNG ĐỊNH CHẾ

#### Trưởng phòng khối khách hàng định chế

##### Chu Thị Kim Hương

(+84 28) 7300 7000 (x1083)

[huongctk@acbs.com.vn](mailto:huongctk@acbs.com.vn)

[groupis@acbs.com.vn](mailto:groupis@acbs.com.vn)

#### Chuyên viên GDKHĐC

##### Trần Thị Thanh

(+84 28) 7300 6879 (x1120)

[thanhtt@acbs.com.vn](mailto:thanhtt@acbs.com.vn)

#### Chuyên viên GDKHĐC

##### Nguyễn Trần Như Huỳnh

(+84 28) 7300 6879 (x1088)

[huynhntn@acbs.com.vn](mailto:huynhntn@acbs.com.vn)

## KHUYẾN CÁO

## Nguyên Tắc Khuyến Nghị

**MUA:** nếu giá mục tiêu cao hơn 20% (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) so với giá thị trường.

**KHẢ QUAN:** nếu giá mục tiêu cao hơn 10% đến 20% (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) so với giá thị trường.

**TRUNG LẬP:** nếu giá mục tiêu chênh lệch trong khoảng -10% và 10% (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) so với giá thị trường.

**KÉM KHẢ QUAN:** nếu giá mục tiêu thấp hơn 10% đến 20% (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) so với giá thị trường.

**BÁN:** nếu giá mục tiêu thấp hơn 20% (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) so với giá thị trường.

## Xác Nhận Của Chuyên Viên Phân Tích

Chúng tôi, các tác giả của bản báo cáo phân tích này, xác nhận rằng (1) các quan điểm được trình bày trong bản báo cáo phân tích này là của chúng tôi (2) chúng tôi không nhận được bất kỳ khoản thu nhập nào, trực tiếp hoặc gián tiếp, từ các khuyến nghị hoặc quan điểm được trình bày đó.

## Công Bố Thông Tin Quan Trọng

ACBS và các tổ chức có liên quan của ACBS (sau đây gọi chung là ACBS) đã có hoặc sẽ tiến hành các giao dịch theo giấy phép kinh doanh của ACBS với các công ty được trình bày trong bản báo cáo phân tích này. Danh mục đầu tư trên tài khoản tự doanh chứng khoán của ACBS cũng có thể có chứng khoán do các công ty này phát hành. Vì vậy nhà đầu tư nên lưu ý rằng ACBS có thể có xung đột lợi ích ở bất kỳ thời điểm nào. ACBS phát hành nhiều loại báo cáo phân tích, bao gồm nhưng không giới hạn ở phân tích cơ bản, phân tích cổ phiếu, phân tích định lượng hoặc phân tích xu hướng thị trường. Các khuyến nghị trên mỗi loại báo cáo phân tích có thể khác nhau, nguyên nhân xuất phát từ sự khác biệt về thời hạn đầu tư, phương pháp phân tích áp dụng và các nguyên nhân khác.

## Tuyên Bố Miễn Trách Nhiệm

Bản báo cáo phân tích này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin, ACBS không cung cấp bất kỳ bảo đảm rõ ràng hay ngụ ý nào và không chịu trách nhiệm về sự phù hợp của các thông tin chứa đựng trong báo cáo cho một mục đích sử dụng cụ thể. ACBS sẽ không xem những người nhận báo cáo, không nhận trực tiếp từ ACBS, là khách hàng của ACBS. Giá chứng khoán được trình bày trong kết luận của báo cáo (nếu có) chỉ mang tính tham khảo. ACBS không đề nghị hoặc khuyến khích nhà đầu tư tiến hành mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào dựa trên báo cáo này. **ACBS, các tổ chức liên quan của ACBS, ban quản lý, đối tác hoặc nhân viên của ACBS sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ (a) các thiệt hại trực tiếp, gián tiếp; hoặc (b) các khoản tổn thất do mất lợi nhuận, doanh thu, cơ hội kinh doanh hoặc các khoản tổn thất khác, kể cả khi ACBS đã được thông báo về khả năng xảy ra thiệt hại hoặc tổn thất đó, phát sinh từ việc sử dụng bản báo cáo phân tích này hoặc thông tin trong đó.** Ngoài các thông tin liên quan đến ACBS, các thông tin khác trong bản báo cáo này được thu thập từ các nguồn mà ACBS cho rằng đáng tin cậy, tuy nhiên ACBS không bảo đảm tính đầy đủ và chính xác của các thông tin đó. Các quan điểm trong báo cáo có thể bị thay đổi bất kỳ lúc nào và ACBS không có nghĩa vụ cập nhật các thông tin và quan điểm đã bị thay đổi đó cho nhà đầu tư đã nhận báo cáo này. **Bản báo cáo có chứa đựng các giả định, quan điểm của chuyên viên phân tích, tác giả của báo cáo, ACBS không chịu trách nhiệm cho bất kỳ sai sót nào của họ phát sinh trong quá trình lập báo cáo, đưa ra các giả định, quan điểm. Trong tương lai, ACBS có thể sẽ phát hành các bản báo cáo có thông tin mâu thuẫn hoặc thậm chí có nội dung kết luận đi ngược lại hoàn toàn với bản báo cáo này.** Các khuyến nghị trong bản báo cáo này hoàn toàn là của riêng chuyên viên phân tích, các khuyến nghị đó không được đưa ra dựa trên các lợi ích của bất kỳ cá nhân tổ chức nào, kể cả lợi ích của ACBS. Bản báo cáo này không nhằm đưa ra các lời khuyên đầu tư cụ thể, cũng như không xem xét đến tình hình và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư nào, những người nhận bản báo cáo này. Vì vậy các chứng khoán được trình bày trong bản báo cáo có thể không phù hợp với nhà đầu tư. ACBS khuyến nghị rằng nhà đầu tư nên tự thực hiện đánh giá độc lập và tham khảo thêm ý kiến chuyên gia khi tiến hành đầu tư. Giá trị và thu nhập đem lại từ các khoản đầu tư có thể thay đổi hàng ngày tùy theo thay đổi của nền kinh tế và thị trường chứng khoán. Các kết luận trong báo cáo không nhằm tiên đoán thực tế do đó nó có thể khác xa so với thực tế, kết quả đầu tư của quá khứ không bảo đảm cho kết quả đầu tư của tương lai.

**Bản báo cáo này có thể không được phát hành rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng hay được sử dụng, trích dẫn bởi các phương tiện thông tin đại chúng mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của ACBS. Việc sử dụng không có sự đồng ý của ACBS sẽ bị xem là bất hợp pháp và cá nhân, tổ chức vi phạm có nghĩa vụ bồi thường mọi thiệt hại, tổn thất (nếu có) đã gây ra cho ACBS từ sự vi phạm đó.**

Trong trường hợp quốc gia của nhà đầu tư nghiêm cấm việc phân phối hoặc nhận các báo cáo phân tích như thế này thì nhà đầu tư cần hủy bản báo cáo này ngay lập tức, nếu không nhà đầu tư sẽ hoàn toàn tự chịu trách nhiệm.

ACBS không cung cấp dịch vụ tư vấn thuế và không nội dung nào trong bản báo cáo này được xem như có nội dung tư vấn thuế. Do đó khi liên quan đến vấn đề thuế, nhà đầu tư cần tham khảo ý kiến của chuyên gia dựa trên tình hình và điều kiện tài chính cụ thể của nhà đầu tư.

Bản báo cáo này có thể chứa đựng các đường dẫn đến trang web của bên thứ ba, ACBS không chịu trách nhiệm đối với nội dung trên các trang web này. Việc đưa đường dẫn chỉ nhằm mục đích tạo sự thuận tiện cho nhà đầu tư trong việc tra cứu thông tin; do đó nhà đầu tư hoàn toàn chịu các rủi ro khi truy cập các trang web này.

© Copyright ACBS (2024). Mọi quyền sở hữu trí tuệ và quyền tác giả là của ACBS và/hoặc chuyên viên phân tích. Bản báo cáo phân tích này không được phép sao chép, toàn bộ hoặc một phần, khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của ACBS.